

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 5 - 2024
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Trí Trung.
- Bà Lâm Thị Ngọc Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1986. (Vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: **Số E, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh Tuấn E**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Số B, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Trần Thị N** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **N** và anh Em được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng từ năm 2010; đến tháng 6 năm 2017, chị **N** với anh Em đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 06/6/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2023, thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, anh Em thường xuyên

ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi và đánh chị **N** nhiều lần nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Đến đầu năm 2023, chị **N** với anh Em thật sự không còn chung sống với nhau, không hàn gắn được tình cảm. Chị **N** cho rằng không còn tình cảm với anh Em, nên chị **N** yêu cầu ly hôn với anh Em

Về con chung: Quá trình sống chung chị **N** và anh Em có 02 con chung tên **Nguyễn Kim C**, sinh ngày 12/6/2011 và **Nguyễn Hồng T**, sinh ngày 02/6/2019, từ khi vợ chồng không còn chung sống đến nay, cháu **T** sống với chị **N** và trực tiếp nuôi dưỡng; cháu **C** sống với anh Em và trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên **Nguyễn Hồng T**, chị **N** không yêu cầu anh Em cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **N** đồng ý giao con chung tên **Nguyễn Kim C** cho anh Em tiếp tục nuôi dưỡng, chị **N** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn là anh **Nguyễn Thanh Tuấn E** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, bản photo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và các văn bản tố tụng khác, nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện nộp ngày 19 tháng 01 năm 2024 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh **Nguyễn Thanh T1** Em có địa chỉ thường trú tại **số B, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị **Trần Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh **Nguyễn Thanh T1** Em vắng mặt không lý do, căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị **Trần Thị N** vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho rằng: Chị **Trần Thị N** và anh **Nguyễn Thanh T1** Em quen biết nhau qua mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Đến ngày 6 tháng 6 năm 2017, chị **Trần Thị N** với anh **Nguyễn Thanh T1** Em đăng ký kết hôn với nhau tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, được công nhận là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị **Trần Thị N** cho rằng giữa chị với anh **Nguyễn Thanh T1** Em bất đồng về quan điểm sống, thường

xuân xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân hơn một năm nay nên chị **Trần Thị Ngọc** x ly hôn với anh **Nguyễn Thanh T1** Em. Anh **Nguyễn Thanh Tuấn E** vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị **Trần Thị N** và anh **Nguyễn Thanh T1** Em không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị **Trần Thị N** và anh **Nguyễn Thanh T1** Em ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị **Trần Thị N** với anh **Nguyễn Thanh T1** Em chung sống với nhau có 02 con chung tên **Nguyễn Kim C**, sinh ngày 12/6/2011 và **Nguyễn Hồng T**, sinh ngày 02/6/2019. Con chung tên **Nguyễn Hồng T** hiện đang sống chung với chị **Trần Thị N**, còn con chung tên **Nguyễn Kim C** hiện đang sống chung với anh **Nguyễn Thanh T1** Em. Chị **Trần Thị N** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Hồng T**, không yêu cầu anh **Nguyễn Thanh T1** Em cấp dưỡng nuôi con; chị **Trần Thị N** tự nguyện giao con chung **Nguyễn Kim C** cho anh **Nguyễn Thanh T1** Em tiếp tục nuôi dưỡng, chị **Trần Thị N** không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét thấy con chung tên **Nguyễn Hồng T** hiện đang sống chung với chị **Trần Thị N** phát triển bình thường, vẫn đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung còn anh **Nguyễn Thanh T1** Em không có ý kiến phản đối nên giao con chung tên **Nguyễn Hồng T** cho chị **Trần Thị N** tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với con chung tên **Nguyễn Kim C** hiện đang sống chung với anh **Nguyễn Thanh T1** Em vẫn phát triển bình thường. Chị **Trần Thị N** đồng ý giao con chung tên **Nguyễn Kim C** cho anh **Nguyễn Thanh T1** Em được tiếp tục nuôi dưỡng, Chị **Trần Thị N** không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên **Nguyễn Kim C**. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 18 tháng 01 năm 2024 của cháu **Nguyễn Kim C** là cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng được tiếp tục sống với cha nên giao con chung **Nguyễn Kim C** cho anh **Nguyễn Thanh T1** Em tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Trần Thị N** không yêu cầu anh **Nguyễn Thanh T1** Em cấp dưỡng nuôi con chung và anh **Nguyễn Thanh T1** Em không yêu cầu **Trần Thị N** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Thị M** phải chịu án phí theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị **Trần Thị N** phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị N**. Cho chị **Trần Thị Ngọc ly h** với anh **Nguyễn Thanh T1** Em.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị **Trần Thị N** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Hồng T**, sinh ngày 02/6/2019 (Hiện cháu **Nguyễn Hồng T** đang sống chung với chị **Trần Thị N**). Anh **Nguyễn Thanh T1** Em không cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh **Nguyễn Thanh T1** Em được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Kim C**, sinh ngày 12/6/2011 (Hiện cháu **Nguyễn Kim C** đang sống chung với anh **Nguyễn Thanh Tuấn E**). Chị **Trần Thị N** không cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Chị **Trần Thị N** và anh **Nguyễn Thanh T1** Em có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên **Nguyễn Hồng T**, **Nguyễn Kim C** không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị **Trần Thị N**, anh **Nguyễn Thanh T1** Em được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Thị N** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003610 ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

6. Về quyền kháng cáo: Chị **Trần Thị N** và anh **Nguyễn Thanh T1** Em có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Phước